



PHỤ LỤC I

ĐIỀU CHỈNH DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2027 VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án (ghi đúng tên theo quyết định phê duyệt)		Mã dự án	Năm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bố trí		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027		Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú					
								Số quyết định (.../QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư		Số quyết định (.../QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW											Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28					
	TỔNG SỐ							62.982.403	58.148.716		62.848.820	58.025.384		2.347.093	1.056.916	9.617.926	8.474.800	60.303.618	56.968.468	1.223.269	811.543	63.570	9.745.269	8.230.000								
A	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA							9.704.310	7.272.277		9.704.310	7.272.277		0	0	0	0	9.704.310	7.272.277	143.267	119.389	0	2.520.000	1.520.000								
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030							3.035.110	1.614.420		3.035.110	1.614.420						3.035.110	1.614.420				1.880.000	1.000.000								
2	Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030							3.668.058	3.056.715		3.668.058	3.056.715						3.668.058	3.056.715	143.267	119.389		240.000	200.000	Thời điểm do Bộ Tài chính chưa thông báo dự kiến mức vốn thực hiện các CTMTQG. Nay bổ sung nhu cầu thực hiện các CTMTQG vào để định hướng thực hiện							
3	Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030							1.000.000	600.000		1.000.000	600.000						1.000.000	600.000				200.000	120.000								
4	Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030							2.001.142	2.001.142		2.001.142	2.001.142						2.001.142	2.001.142				200.000	200.000				Bao gồm các trạm y tế xã, phường (chưa xác định tỷ lệ đối ứng nên đang đăng ký toàn bộ từ NSTW)				
B	ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC							53.278.093	50.876.439		53.144.510	50.753.107		2.347.093	1.056.916	9.617.926	8.474.800	50.599.308	49.696.191	1.080.002	692.154	63.570	7.225.269	6.710.000								
I	GIAO THÔNG							38.897.004	37.056.896		38.886.753	37.056.896		1.661.253	526.416	9.287.926	8.144.800	37.130.938	36.530.480	547.343	462.154	63.570	5.139.269	4.624.000								
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							3.777.520	1.939.000		3.767.269	1.939.000		1.659.665	526.416	687.646	0	2.013.042	1.412.584	483.773	398.584	0	1.529.269	1.014.000								
1	Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai ngoài - thành phố Bạc Liêu (giai đoạn 1)	7944118	B	Phường Bạc Liêu, Phường Vĩnh Trạch, Phường Hiệp Thành	8,9km	2024 - 2027	479/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	1.450.656	725.000	2269/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	1.440.405	725.000	2.025	594.873	410.808	315.656		775.597	314.192	314.192	314.192		461.405		Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau						
2	Cầu Hòa Bình 2 + Tuyến đường nối đến đường Giồng Nhãn - Gò Cát	7940684	B	Các Xã: Vĩnh Hậu, Hòa Bình	01 cầu + 10km	2021 - 2027	521/QĐ-UBND ngày 02/12/2021; 199/QĐ-UBND ngày 24/7/2024; 261/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	298.864	200.000	1517/QĐ-UBND ngày 23/8/2024; 1540/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	298.864	200.000	2.025	115.981	115.608			158.256	84.392	104.392	84.392		53.864		Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau						
3	Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện tuyến đường bộ cao tốc Cà Mau - Đất Mũi	8160159	A	Các xã: Hộ Thi Kỳ, Khánh An, Khánh Bình, Lương Thế Trân, Hưng Mỹ, Cái Nước, Phú Mỹ, Nguyễn Việt Khái, Đất Mới, Đất Mũi.	713,09 ha	2025 - 2028	1137/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	2.028.000	1.014.000	096/QĐ-UBND ngày 07/7/2025	2.028.000	1.014.000	2.025	948.811		371.990		1.079.189	1.014.000	65.189			1.014.000	1.014.000	Theo tiến độ hỗ trợ vốn NSTW	Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh						

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án <i>(ghi đúng tên theo quyết định phê duyệt)</i>	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bổ trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bổ trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bổ trí và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bổ trí			Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027		Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định (.../QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư		Số quyết định (.../QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó: vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW								Tổng số	Bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư						
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							35.119.484	35.117.896		35.119.484	35.117.896		1.588	0	8.600.280	8.144.800	35.117.896	35.117.896	63.570	63.570	63.570	3.610.000	3.610.000			
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Quận lộ Phụng Hiệp - Vành đai 3 - ĐT.985B - Đường ven biển (cửa Sông Đốc)	8163723	B	Phường Tân Thành, phường An Xuyên, xã Hồ Thị Kỳ, xã Khánh An, xã Khánh Bình, xã Trần Văn Thời, xã Khánh Hưng và xã Sông Đốc	50,01km và 20 cầu	2026 - 2029	01517/QĐ-UBND ngày 27/10/2025	2.997.000	2.996.591		2.997.000	2.996.591		409		2.913.000	2.800.000	2.996.591	2.996.591	19.300	19.300	19.300	940.000	940.000	Theo nhu cầu thực hiện	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau	
2	Dự án đầu tư xây dựng đường kết nối Quốc lộ 63 - Vành đai 2 - Võ Văn Kiệt - ĐT.984 - U Minh	7907306	B	Phường An Xuyên và các xã: Hồ Thị Kỳ, Khánh An, Khánh Lâm, Nguyễn Phích	42,301km m và 05 cầu	2026 - 2029	01514/QĐ-UBND ngày 27/10/2025	1.867.989	1.867.730		1.867.989	1.867.730		259		1.867.989	1.674.700	1.867.730	1.867.730	12.000	12.000	12.000	650.000	650.000	Theo nhu cầu thực hiện	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau	
3	Dự án đầu tư nâng cấp đường tỉnh ĐT.980 thành QL.63B (đoạn từ Giã Rai đến Phô Sinh) và xây dựng đường bờ Tây kênh Láng Trâm (ĐT.982B)	8187779	B	Các xã, phường: Giã Rai, Phong Hiệp, Vĩnh Phước và Phong Thạnh	22,2km	2026 - 2029	1331/QĐ-UBND ngày 14/4/2026	2.211.962	2.211.962		2.211.962	2.211.962				1.859.550	1.800.000	2.211.962	2.211.962	15.670	15.670	15.670	580.000	580.000	Theo nhu cầu thực hiện	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau	
4	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ cầu Hòa Bình 2 - Đê Biển	8176720	B	Các xã Hòa Bình và Vĩnh Hậu	11,3km và 10 cầu	2026 - 2029	206/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	826.792	826.629		826.792	826.629		163		990.000	940.100	826.629	826.629	5.900	5.900	5.900	210.000	210.000	Theo nhu cầu thực hiện	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau	
5	Dự án xây dựng cầu Bạc Liêu 5, phường Bạc Liêu	8162758	B	Phường Bạc Liêu	3.000m	2026 - 2029	0241/QĐ-UBND ngày 22/7/2025	969.741	968.984		969.741	968.984		757		969.741	930.000	968.984	968.984	1.000	1.000	1.000	260.000	260.000	Theo nhu cầu thực hiện	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau	
6	Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Cà Mau (đoạn Rạch Gốc - Cái Đôi Vàm và đoạn Sông Đốc - Tiểu Dừa)		A	Các xã: Đất Mới, Cái Đôi Vàm, Sông Đốc, Khánh Hưng, Đá Bạc, Khánh Lâm, U Minh	79,2km	2026 - 2030		8.545.000	8.545.000		8.545.000	8.545.000					8.545.000	8.545.000	4.700	4.700	4.700	570.000	570.000	Theo Công điện số 131/CD-TTg ngày 11/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về đầu tư khép kín đường ven biển	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau		
7	Dự án đầu tư xây dựng tuyến kết nối trung tâm hành chính của hai tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu trước đây		A	Các xã, phường: Tân Thành, Phong Thạnh, Giã Rai, Láng Tròn, Vĩnh Mỹ, Hòa Bình, Vĩnh Lợi và Bạc Liêu	67,5km	2026 - 2030		17.701.000	17.701.000		17.701.000	17.701.000					17.701.000	17.701.000	5.000	5.000	5.000	400.000	400.000	Theo Thông báo số 8/TB-VPCP ngày 06/01/2026 của VPCP về Kết luận của TTCP Phạm Minh Chính tại buổi họp về tình hình triển khai một số dự án trọng điểm trên địa bàn thành phố Cần Thơ, các tỉnh An Giang và Cà Mau	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau		

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án (ghi đúng tên theo quyết định phê duyệt)	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư		Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bố trí		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027		Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú		
							Số quyết định (.../QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư		Số quyết định (.../QĐ-... ngày/tháng/năm)		Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó: vốn NSTW					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Tổng số	Bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư					
II	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYÊN ĐỔI SỐ							2.965.000	2.965.000		2.965.000	2.965.000	500	500	0	0	2.964.500	2.964.500	0	0	0	430.000	430.000			
(1)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							2.965.000	2.965.000		2.965.000	2.965.000	500	500	0	0	2.964.500	2.964.500	0	0	0	430.000	430.000			
1	Dự án xây dựng Trung tâm an ninh mạng tỉnh Cà Mau		B		Mua sắm, lắp đặt thiết bị	2026 - 2029		120.000	120.000		120.000	120.000	500	500			119.500	119.500			30.000	30.000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh	Công an tỉnh		
2	Dự án xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Cà Mau theo chuẩn Tier 3		B		Lưu trữ 3.000 TB dữ liệu	2027 - 2030		1.729.000	1.729.000		1.729.000	1.729.000					1.729.000	1.729.000			200.000	200.000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh			
3	Dự án xây dựng Hệ sinh khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tỉnh Cà Mau		B		Mua sắm, lắp đặt thiết bị	2027 - 2030		516.000	516.000		516.000	516.000					516.000	516.000			100.000	100.000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh			
4	Dự án Chương trình: Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng, chế biến và quản lý tài nguyên biển tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030		B			2027 - 2030		600.000	600.000		600.000	600.000					600.000	600.000			100.000	100.000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh			
III	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN							11.416.089	10.854.543		11.292.757	10.731.211	685.340	530.000	330.000	330.000	10.503.870	10.201.211	532.659	230.000	0	1.656.000	1.656.000			
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							1.044.771	760.000		1.044.771	760.000	680.740	530.000	330.000	330.000	260.484	230.000	260.484	230.000	0	0	0			
1	Dự án đầu tư về bờ sông thành phố Bạc Liêu		B	Phường Bạc Liêu, Phường Vĩnh Trạch	6km	2023 - 2026	539/QĐ-UBND ngày 10/12/2021; 0756/QĐ-UBND ngày 26/8/2025	1.044.771	760.000	2258/QĐ-UBND ngày 30/12/2022; 0947/QĐ-UBND ngày 08/9/2025	1.044.771	760.000	2.023	680.740	530.000	330.000	330.000	260.484	230.000	260.484	230.000			Theo nhu cầu thực hiện	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau	
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							10.371.318	10.094.543		10.247.986	9.971.211	4.600	0	0	0	10.243.386	9.971.211	272.175	0	0	1.656.000	1.656.000			
1	Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ biển Đồng đoạn từ Kiến Vàng đến Ông Tả		B			2026 - 2029	1645/QĐ-UBND ngày 17/9/2023	377.600	377.600	1638/QĐ-UBND ngày 17/9/2023	377.600	377.600					377.600	377.600			52.000	52.000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau		
2	Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ biển Đồng đoạn từ Kênh 5 Ô Rô đến Vàm Xoáy		B			2026 - 2029	1645/QĐ-UBND ngày 17/9/2023	632.264	632.264	1639/QĐ-UBND ngày 17/9/2023	632.264	632.264					632.264	632.264			60.000	60.000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau		
3	Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ biển Đồng đoạn từ Hồ Gùl đến Bó Đẻ		B			2026 - 2029	1645/QĐ-UBND ngày 17/9/2023	452.602	452.602	1637/QĐ-UBND ngày 17/9/2023	452.602	452.602					452.602	452.602			62.000	62.000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau		
4	Dự án đầu tư xây dựng 07 công ngăn mặn, chống triều cường bảo vệ sản xuất vùng nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu	8158327	B	Phường Láng Tròn và các xã Vĩnh Mỹ, Hòa Bình, Hưng Hội	07 công	2026 - 2028	109/QĐ-UBND ngày 25/3/2025	387.848	315.748	02141/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	277.389	205.289	2.100				275.289	205.289	70.000		140.000	140.000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau		
5	Dự án kè bờ sông thị trấn Gành Hào đoạn G6 (điểm đầu tại Rạch Cóc và điểm cuối tại ngã ba sông thị trấn Gành Hào)	8160491	B	Xã Gành Hào	2.500m	2025 - 2029	282/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	480.000	339.000	02326/QĐ-UBND ngày 28/12/2025	480.000	339.000	1.000				479.000	339.000	140.000		150.000	150.000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau		
6	Dự án xói lở bờ biển thành phố Bạc Liêu (đoạn còn lại giữa bờ biển Vĩnh Trạch Đông và bờ biển Nhà Mát)	8160483	B	Phường Hiệp Thành	4.685,4 m	2026 - 2029	283/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	198.000	136.500	02190/QĐ-UBND ngày 20/12/2025	185.127	123.627	1.500				183.627	123.627	60.000		120.000	120.000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau		

[illegible]